

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH K**

Bản án số:36/2019/HS-ST.

Ngày: 13/6/2019.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ - TỈNH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Trọng Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:1/ Ông Trương Duy Cảnh;

2/ Bà Y BLư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố , tỉnh , xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 25/2019/HS-ST ngày 19/4/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. A N, sinh năm 1999 tại ; Trú tại: Thôn k, phường Thống N, thành phố K, tỉnh K; Nghề nghiệp: Không, trình độ học vấn 01/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Bahnar; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Con ông D, sinh năm 1968 và bà Y N, sinh năm 1970;

Gia đình bị cáo có 08 anh em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình.

Hiện gia đình bị cáo đều đang sinh sống tại: Thôn K, phường Thống N, thành phố K, tỉnh K ;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/01/2019 đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. A K, tên gọi khác: B, sinh năm 1997 tại ; Trú tại: Thôn K, phường T, thành phố K, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm nông, trình độ học vấn 3/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Bah nar; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Con ông A B, sinh năm 1961(chết ngày 27/3/2019) và bà Y D, sinh năm 1962;

Gia đình bị cáo có 11 anh em, bị cáo là con thứ bảy trong gia đình.

Hiện gia đình bị cáo đều đang sinh sống tại: Thôn K, phường Thống N, thành phố K, tỉnh K .

Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 tiền án, tại bản án số 59/2017/HS-ST ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt bị cáo 12 (Mười hai) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Nhân thân của bị cáo: Tại bản án số 25/2014/HS-ST ngày 11/3/2014 của Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt bị cáo 04 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đến ngày 23/8/2014 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương và đã được xóa án tích và tại bản án số 59/2017/HS-ST ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt bị cáo 12 (Mười hai) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đến ngày 21/4/2018 chấp hành xong trở về địa phương và chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/01/2019 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số 123, Lê L, tổ 0, phường Trường Ch, thành phố K, tỉnh K. Có đơn xin xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông A L, sinh năm 1972;

2. Anh A B, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã C, thành phố K, tỉnh K. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh A B, sinh năm 1998;

2. Ông D, sinh năm 1968;

3. Bà Y N, sinh năm 1970;

4. Bà Y D, sinh năm 1962;

5. Chị Y N, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ: Thôn K, phường T, thành phố K, tỉnh K. Tất cả đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 20/01/2019, A N cùng với A K, A B ngồi nhậu tại nhà A K ở thôn K, phường T, thành phố K, tỉnh K. Trong lúc đang ngồi nhậu thì A N hỏi mượn xe mô tô kiểu dáng Exciter màu đen – vàng, BKS 82B1 – 367.76 của A B (A B mượn của bố đẻ là ông A L) để chở A K đi dạo và A B đồng ý. Trên đường đi, A N rủ A K tìm tài sản của nhà dân sơ hở để chiếm đoạt, nghe vậy A K đồng ý. Khi A N điều khiển mô tô đi trên đường Trần Phú sau đó rẽ vào đường Lê L. Khi đến trước số nhà 123 Lê L, phường Trường C, TP.K thấy nhà đang mở cửa, A K nhìn vào thấy một điện thoại di động đang sạc pin để trên kệ tường trong phòng khách. A K nói với A N dừng xe để A K vào lấy còn A N đứng ngoài xe cảnh giới, A K đi vào trong nhà khi đến bộ sa long thì A K phát hiện thấy bà Trần Thị Kim L là chủ nhà đang nằm trên ghế. A K liền chạy đến giật chiếc điện thoại và bỏ chạy. Bà L liền la lên “Cướp, cướp” và đuổi theo ra tới ngoài sân thì bị ngã, A N chở A K quay về nhà của A K. A K cất dấu chiếc điện thoại vừa cướp được vào trong phòng và không cho ai biết rồi tiếp tục ngồi uống rượu với A B, A N. Đến 15 giờ cùng ngày thì uống xong ai về nhà nấy.

Khoảng 9 giờ ngày 21/01/2019, Cơ quan CSĐT Công an Thành phố K đã giữ A N và A K. Tại nhà A K, thu giữ 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Wiko màu đỏ - đen.

Về vật chứng của vụ án:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Wiko màu đỏ - đen;

+ 01 (một) xe mô tô BKS 82B1 – 367.76 nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen – vàng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 13/ĐG-TS ngày 23/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 (một) điện thoại hiệu Wiko màu đỏ - đen mua năm 2017 giá mua mới là 1.299.000 đồng. Có giá trị tài sản còn lại tính đến tháng 01/2019 là 778.000đ (Bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 34/KT- VKSTPKT ngày 19/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố bị A N và A K về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Vào khoảng 14 giờ ngày 20/01/2019, A N điều khiển xe mô tô BKS 82 B1-367.76 chở A K đến nhà của bà Trần Thị Kim L tại số nhà 123, Lê L, tổ , phường Trường C, thành phố K, tỉnh K để thực hiện hành vi cướp giật tài 01 chiếc điện thoại di động hiệu Wiko màu đỏ đen của bà Trần Thị Kim L. Hành vi của bị cáo A N, bị cáo A K đủ yếu tố cấu thành tội cướp giật tài sản. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết

định truy tố đối với bị cáo A N, bị cáo A K theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với bị cáo A N, bị cáo A K và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo A N từ 12 đến 18 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo A K từ 18 đến 24 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà Trần Thị Kim L đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu gì thêm, nên không xem xét.

Đối với A B, là người cho A N, A K mượn xe nhưng A B không biết việc A N, A K dùng xe làm phương tiện phạm tội nên cơ quan CSĐT Công an thành phố không đưa ra hình thức xử lý đối với A B là có cơ sở đúng quy định của pháp luật.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thành phố đã thu giữ: + 01 (một) điện thoại di động hiệu Wiko màu đỏ - đen;

+ 01 (một) xe mô tô BKS 82B1-367.76 nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen – vàng.

Cơ quan CSĐT Công an thành phố đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Trần Thị Kim L 01 (một) điện thoại di động hiệu Wiko màu đỏ - đen. Trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp là ông A L 01 (một) xe mô tô BKS 82B1 – 367.76 nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen – vàng.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì; nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo A N, bị cáo A K ân hận về hành vi phạm tội và xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, tội danh và áp dụng điều luật: Tại phiên tòa bị cáo A N, bị cáo A K thừa nhận:

Vào khoảng 14 giờ ngày 20/01/2019, A N điều khiển xe mô tô BKS 82 B1-367.76 chở A K đến nhà của bà Trần Thị Kim L tại số nhà 123, Lê Lai, tổ 02, phường Trường Chinh, thành phố, tỉnh để thực hiện hành vi cướp giật tài 01 chiếc điện thoại di động hiệu Wiko màu đỏ- đen của bà Trần Thị Kim Liên. Giá trị tài sản bị cáo A N, bị cáo A K cướp giật là 778.000đ (*Bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng*).

Lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa là thống nhất, phù hợp nhau và phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định bị cáo A N, bị cáo A K phạm vào tội “*Cướp giật tài sản*”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, lỗi cố ý trực tiếp công khai và hoàn toàn không có ý định che giấu hành vi phạm tội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn trước khi thực hiện hành vi phạm tội không có sự bàn bạc, chuẩn bị phân công vai trò của từng người nhưng cùng giữ vai trò thực hiện, A N là người khởi xướng còn A K giữ vai trò thực hiện, khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản các bị cáo sử dụng xe mô tô là phương tiện công cụ để phạm tội cố ý trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến trật tự trị an của địa phương. Vì vậy, việc đưa vụ án ra xét xử công khai là cần thiết, đồng thời cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo A N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo A K có 01 tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*” chưa được xóa án tích. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân để rèn luyện tu dưỡng mà vẫn tiếp tục lao vào con đường phạm tội, tiếp tục thực hiện hành vi cướp giật tài sản và thuộc trường hợp tái phạm.

Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Qua trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo A N, bị cáo A K đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về nhân thân của các bị cáo: Bị cáo A N có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Còn bị cáo A K tại bản án số 25/2014/HS-ST ngày 11/3/2014 của Tòa án nhân dân thành phố xử phạt bị cáo 04 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đến ngày 23/8/2014 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương và đã được xóa án tích. Tại bản án số 59/2017/HS-ST ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố xử phạt bị cáo 12 (Mười hai) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đến ngày 21/4/2018 chấp hành xong trở về địa phương, chưa được xóa án tích.

Các bị cáo công việc không ổn định, sống phụ thuộc vào gia đình và không có tài sản gì nên không phải chịu hình phạt tiền.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà Trần Thị Kim L đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với A B, là người cho A N, A K mượn xe nhưng A B không biết việc A N, A K dùng xe làm phương tiện phạm tội nên cơ quan CSĐT Công an thành phố không đưa ra hình thức xử lý đối với A B là có cơ sở đúng quy định của pháp luật.

[9] Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thành phố K đã thu giữ: + 01 (một) điện thoại di động hiệu Wiko màu đỏ - đen;

+ 01 (một) xe mô tô BKS 82B1–367.76 nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen – vàng.

Cơ quan CSĐT Công an thành phố K đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Trần Thị Kim L 01 (một) điện thoại di động hiệu Wiko màu đỏ - đen. Trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp là ông A Lăk 01 (một) xe mô tô BKS 82B1 – 367.76 nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen – vàng.

[10] Đối với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố đã đưa ra các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, mức hình phạt đối với từng bị cáo. Xét quan điểm trên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo A N, bị cáo A K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo A N, bị cáo A K phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **A N 12** (*Mười hai*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 22/01/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **A K 18** (*Mười tám*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 22/01/2019.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Khoản 1, Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 – Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo A N, bị cáo A K mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/6/2019) các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh K;
- VKSND TP. K;
- Công an TP. K;
- THA dân sự TP K;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Những người có quyền lợi

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)
Lý Trọng Nguyên

và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.